

Số: /GPMT-STNMT

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 313/SĐ-HCKT đề ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Sư đoàn 367/Quân chủng Phòng không - Không quân về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng doanh trại Trung đoàn bộ Trung đoàn Tên lửa 261/Sư đoàn 367/Quân chủng Phòng không - Không quân” tại phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Sư đoàn 367/Quân chủng Phòng không - Không quân, địa chỉ tại số 19A Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Xây dựng doanh trại Trung đoàn bộ Trung đoàn Tên lửa 261/Sư đoàn 367/Quân chủng Phòng không - Không quân” tại phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng doanh trại Trung đoàn bộ Trung đoàn Tên lửa 261/Sư đoàn 367/Quân chủng Phòng không - Không quân.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.3. Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Doanh trại Trung đoàn bộ Trung đoàn Tên lửa 261/Sư đoàn 367/Quân chủng Phòng không - Không quân số 5104/QĐ-BQP ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Doanh trại, dịch vụ quốc phòng quân đội.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích đất của dự án: Khoảng 60.736,7m² (thông tin theo Quyết định số 3313/QĐ-PKKQ ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tư lệnh Phòng không - Không quân về việc phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh tổng mặt bằng doanh trại Trung đoàn bộ e261/f367/QC PK-KQ đến năm 2025 và những năm tiếp theo nêu tại báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án).

- Công suất: Phục vụ chỗ ở và làm việc cho 164 cán bộ, chiến sĩ của e261 (Chi tiết theo Quyết định số 5104/QĐ-BQP ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Doanh trại Trung đoàn bộ Trung đoàn Tên lửa 261/Sư đoàn 367/Quân chủng PK-KQ và Quyết định số 3313/QĐ-PKKQ ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tư lệnh Phòng không - Không quân về việc phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh tổng mặt bằng doanh trại Trung đoàn bộ e261/f367/QC PK-KQ đến năm 2025 và những năm tiếp theo.)

(Các thông tin về dự án đầu tư nêu trên căn cứ theo nội dung mô tả trong báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án; Chủ dự án chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu đã nêu trong báo cáo; thực hiện tuân thủ theo quy định pháp luật về đất đai, tài nguyên nước và các quy định khác có liên quan; thực hiện thi công xây dựng dự án theo đúng thiết kế, phương án thi công,... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Sư đoàn 367/Quân chủng Phòng không - Không quân

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sư đoàn 367/Quân chủng Phòng không - Không quân có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm).

(Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Vũng Tàu tham mưu tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sư đoàn 367/QC PK-KQ;
 - Bộ TNMT (b/c);
 - UBND tỉnh (b/c);
 - Giám đốc, các PGĐ Sở (b/c);
 - Sở Xây dựng;
 - UBND thành phố Vũng Tàu;
 - Phòng TN&MT thành phố Vũng Tàu;
 - Trung tâm phục vụ hành chính công;
 - Trung tâm CNTT TN&MT
- (đăng trên cổng thông tin điện tử của Sở);*
- Lưu: VT, PQLMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Quốc Đăng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, chiến sĩ tại Trung đoàn bộ Trung đoàn Tên lửa 261.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Duy Tân, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Tọa độ xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°), như sau: X = 1148837.85, Y = 428883.30.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $40 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Nước thải của dự án sau xử lý đạt quy chuẩn theo quy định được thải vào cống thoát nước chung của khu vực theo phương thức xả tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A; K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	pH	-	5 - 9	Không	Không
2.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36	Không	Không
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60	Không	Không
4.	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600	Không	Không
5.	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2	Không	Không
6.	Amoni (tính theo N)	mg/l	6	Không	Không
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	36	Không	Không
8.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12	Không	Không
9.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6	Không	Không

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
10.	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	7,2	Không	Không
11.	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000	Không	Không

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Mạng lưới thu gom nước thải và nước mưa được tách biệt với nhau.

- Nước thải từ các bồn xí, bồn tiểu sau xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 03 ngăn; nước thải từ các chậu rửa, phễu thu sàn; nước thải từ nhà bếp ăn sau xử lý sơ bộ tại bể tách mỡ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 40 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ hệ thống thu gom → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể SBR → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước chung trên đường Duy Tân, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, K=1,2).

- Công suất thiết kế: 40 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOCl, than hoạt tính, cát (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động:

- Trang bị thiết bị dự phòng cần thiết (bơm, máy thổi khí...) để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ; bảo đảm vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày. Thực hiện thường xuyên kiểm tra, theo dõi chất lượng nước thải đầu ra để kịp thời khắc phục sự cố.

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau khi xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Trường hợp nước thải đầu ra vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong điều kiện hệ thống xử lý nước thải vẫn hoạt động, nước thải sẽ được quay vòng để xử lý lại.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố và phải dừng hoạt động, nước thải được lưu chứa tại bể điều hoà (dung tích khoảng 40,32m³). Sau khi điều tra nguyên nhân, khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Định kỳ vệ sinh, thay thế vật liệu lọc của hệ thống xử lý nước thải đảm bảo không tắc nghẽn trong quá trình vận hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng tính từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 40m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Giai đoạn vận hành ổn định	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu	Số lượng mẫu	Chỉ tiêu quan trắc
HTXL nước thải sinh hoạt công suất 40m ³ /ngày đêm	Đầu vào: Tại hố thu gom	Mẫu đơn	1	<i>Lưu lượng</i> , pH, BOD ₅ , TSS, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, tổng Coliforms.
	Đầu ra: Tại hố ga sau bồn lọc áp lực (X = 1148837.85, Y = 428883.30)	Mẫu đơn	3	

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (K = 1,2)
1.	Lưu lượng (đầu vào và đầu ra)	m ³ /ngày đêm	40
2.	pH	-	5 - 9
3.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60
5.	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600
6.	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2
7.	Amoni (tính theo N)	mg/l	6
8.	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	36
9.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12
10.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6
11.	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	7,2

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (K = 1,2)
12.	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể: Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Vị trí xây dựng hệ thống xử lý nước thải phải bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, xung quanh hệ thống xử lý nước thải phải trồng dải cây xanh cách ly theo quy định.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Bảo đảm bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của dự án.

3.4. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.5. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh dự án.

3.6. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Tự chịu trách nhiệm đối với nội dung kế hoạch vận hành thử nghiệm và toàn bộ quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 2
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên theo dõi, bảo trì, kiểm tra độ mòn chi tiết, định kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy móc khi lắp đặt.
- Lắp đặt các đệm chống ồn, rung bằng cao su cho các máy móc, thiết bị.
- Trồng nhiều cây xanh quanh dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được kiểm soát, giảm thiểu bảo đảm các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung tại các quy định liên quan (nếu có).
- 2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Dầu nhớt thải	17 02 04	35
2	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	4
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	6
4	Hộp mực in	08 02 04 *	3
	Tổng cộng		48

Ghi chú: () Theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục III Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, các loại chất thải này được ký hiệu là KS – Chất thải công nghiệp phải kiểm soát. Theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, trường hợp chất thải công nghiệp phải được kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.*

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 10	9.000
	Tổng cộng		9.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	53.280
	Tổng cộng	53.280

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CNTH)**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy loại 120 lít; có ký hiệu chất thải nguy hại.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 5m²; tường gạch, sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có mái che; đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Thực hiện ký hợp đồng thu gom CTNH với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải được lưu giữ trong bể chứa bùn; bùn thải định kỳ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chất thải sinh hoạt 120 lít, có nắp đậy. Bố trí các thùng chứa có nắp đậy để lưu trữ, dán nhãn phân loại rác theo quy định tại Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Các thùng chứa được đặt tại khu vực bếp ăn, khu nhà làm việc, các vị trí trong khuôn viên đơn vị phù hợp để định kỳ thu gom, vận chuyển đi xử lý.

- Hàng ngày vào giờ quy định chuyển giao rác thải cho đơn vị có chức năng thu gom của địa phương vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom: 1 ngày/lần.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu theo đúng quy định.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ dự án chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu, tọa độ vị trí đã nêu trong báo cáo; thực hiện tuân thủ theo quy định pháp luật về đất đai, tài nguyên nước, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan; thực hiện thi công xây dựng dự án theo đúng thiết kế, phương án thi công,... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND. Thực hiện chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Thực hiện trách nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Bảo vệ môi trường.

7. Bồi thường thiệt hại, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Trước khi hết hạn giấy phép môi trường 06 tháng, gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.